

Name:

Class:

Total:

/10

PHONETICS WORKSHEET 7

Listen and circle the word that does not have the sound on the left (Nghe và chọn từ phát âm khác)

1. /i:/ A. tree B. feet C. steak D. sea
2. /ɪ/ A. sit B. ship C. win D. bite
3. /e/ A. bed B. red C. set D. date
4. /u:/ A. food B. moon C. book D. blue
5. /ɒ/ A. dog B. hot C. home D. box
6. /ɑ:/ A. farm B. hard C. hand D. card
7. /p/ A. park B. phone C. cap D. top
8. /æ/ A. bag B. car C. hat D. man
9. /tʃ/ A. chair B. chip C. chease D. school
10. /ʌ/ A. full B. bus C. cup D. sun

_ Hướng dẫn chi tiết các con xem bảng phiên âm ở trang bìa trước sách Từ Điển Hình

_ Ứng dụng hỗ trợ nghe cách đọc phiên âm quốc tế (IPA) trên điện thoại, máy tính bảng.

Android



iOS



PH quét mã bằng Zalo
hoặc camera để lấy
file nghe.